

Bản án số: 101/2024/LĐ-ST

Ngày: 12 – 7 – 2024

V/v tranh chấp về yêu cầu  
tuyên bố hợp đồng lao động vô  
hiệu

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Tố Uyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thu Yến – Nguyên Phó Trưởng Phòng Lao động –  
Thương binh và Xã hội thành phố Thuận An;

2. Ông Lê Văn Công - Nguyên Phó Chủ tịch phường Lái Thiêu, thành phố  
Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Hà Giang là Thư ký Tòa án nhân  
dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình  
Dương tham gia phiên tòa:** Bà Bùi Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Vào ngày 12 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố  
Thuận An xét xử sơ thẩm vụ án lao động thụ lý số 14/2024/TLST-LĐ ngày 12  
tháng 01 năm 2024 về “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô  
hiệu”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2024/QĐXXST-LĐ ngày 29  
tháng 5 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2024/QĐ-LĐ ngày  
14 tháng 6 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1989; địa chỉ thường  
trú: 287 Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T,  
tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SHIN KWANG HYUN. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1993; địa chỉ thường trú: Ấp L, xã L,  
huyện C, tỉnh An Giang. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo Hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

\*) Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

Khoảng thời gian từ tháng 12/2007 đến tháng 8/2022, nguyên đơn có ký hợp đồng lao động và làm việc cho tại Công ty TNHH T1. Quá trình làm việc, nguyên đơn được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội đầy đủ theo quy định. Nay do nhu cầu cá nhân, nguyên đơn có liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội huyện C, tỉnh An Giang để rút bảo hiểm xã hội một lần thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội và hướng dẫn nguyên đơn đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để giải quyết. Sau khi liên hệ đến Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương thì được biết hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010. Nguyên nhân sự việc là do: Khoảng tháng 9/2010, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Nguyễn Thị Bích T muốn ký hợp đồng lao động để kiếm thu nhập phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn mang số 352051399 cấp ngày 22/02/2007 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S (sau đây gọi là Công ty S). Sau khi ký hợp đồng, bà Nguyễn Thị Bích T làm việc đến tháng 12/2010 thì nghỉ việc.

Do nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội tỉnh Bình Dương để giải quyết vấn đề bị trùng thời gian đóng bảo hiểm nhưng không được và được hướng dẫn khởi kiện đến Tòa án để giải quyết về hợp đồng vô hiệu. Nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Bích T mượn chứng minh nhân dân của nguyên đơn để ký kết hợp đồng lao động với Công ty S sai qui định, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên bố hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động tên Nguyễn Thị Hồng N (do bà Nguyễn Thị Bích T là người ký kết) với người sử dụng lao động Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 vô hiệu. Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho bà Nguyễn Thị Bích T sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty S dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Quá trình tố tụng, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

*Chứng cứ, tài liệu nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Bản sao CCCD, Sổ Bảo hiểm xã hội; Quyết định nghỉ việc và bản chính hợp đồng lao động.*



\*) Bị đơn Công ty TNHH S đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

\*) Quá trình tố tụng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Khoảng tháng 9/2010, do hoàn cảnh gia đình khó khăn, bà Nguyễn Thị Bích T muốn đi làm công ty để kiếm tiền phụ giúp gia đình nhưng do chưa đủ tuổi ký hợp đồng lao động nên có mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng N để làm hồ sơ xin việc làm. Sau đó, bà Nguyễn Thị Bích T đã sử dụng Giấy chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng N để làm hồ sơ xin việc vào Công ty TNHH S; địa chỉ: Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Nguyễn Thị Bích T làm việc tại Công ty S từ 10/2010 đến tháng 12/2010 thì nghỉ việc. Trong thời gian làm việc tại đây thì công ty có tham gia và đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị Bích T. Sau khi nghỉ việc thì Công ty S đã chốt sổ bảo hiểm, tuy nhiên bà Nguyễn Thị Bích T về quê sinh sống không nhận lại sổ Bảo hiểm xã hội và từ bỏ, cũng không còn quan tâm đến việc nhận trợ cấp liên quan đến bảo hiểm xã hội. Nay trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng, không yêu cầu độc lập trong vụ án, từ chối nhận các quyền lợi liên quan đến quá trình tham gia bảo hiểm xã hội theo Hợp đồng ký kết với Công ty S với tên Nguyễn Thị Hồng N, đồng thời bà Nguyễn Thị Bích T yêu cầu giải quyết vắng mặt trong các phiên tòa xét xử đối với vụ án.

\*) Đại diện hợp pháp của Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố T, là ông Phan Minh H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và có ý kiến trình bày như sau:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của Công ty TNHH S cho người lao động thì Công ty TNHH S có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/6/1989, số chứng minh nhân dân 352051399 cấp ngày 22/02/2007 với mã số Bảo hiểm xã hội 7410075229 từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010, đã chốt sổ. Bà Nguyễn Thị Hồng N chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần và trợ cấp thất nghiệp đối với mã số bảo hiểm xã hội nêu trên. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Nguyễn Thị Hồng N thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N thì Bảo hiểm xã hội thành phố T không có ý kiến.

Đối với mã số bảo hiểm xã hội 9107274684 thì Công ty TNHH T1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLD-BNN cho bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/6/1989, số chứng minh nhân dân 352051399 cấp ngày 22/02/2007, số căn cước công dân 089189022069 từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2011, đã chốt sổ. Bà



**Nguyễn Thị Hồng N** chưa hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần, đã hưởng trợ cấp thất nghiệp đối với mã số bảo hiểm xã hội nêu trên.

**Tại phiên tòa**, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An trình bày:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là **Công ty TNHH S**; địa chỉ: **Khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương** yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[2] Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa **Công ty TNHH S** với bà **Nguyễn Thị Hồng N** (do bà **Nguyễn Thị Bích T** mượn chứng minh nhân dân giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, căn cứ vào kết quả tra cứu, đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) của **Công ty TNHH S** thể hiện **Công ty TNHH S** có tham gia bảo hiểm xã hội cho bà **Nguyễn Thị Hồng N** trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010. Theo dữ liệu do **BHXH thành phố T** cung cấp thể hiện mức lương chính và mức đóng BHXH tương ứng với từng mốc thời gian. Do đó, có căn cứ xác định bà **Nguyễn Thị Bích T** có ký kết hợp đồng lao động với **Công ty TNHH S** trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Quá trình tham gia bảo hiểm xã hội của người lao động Nguyễn Thị Hồng N như sau:

Mã số Bảo hiểm xã hội 7410075229 tham gia từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 tại Công ty TNHH S.

Mã số BHXH 9107274684 tham gia từ tháng 12/2007 đến tháng 12/2011 tại Công ty TNHH T1.

[3.2] Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho thấy: Bà Nguyễn Thị Bích T do không hiểu biết pháp luật, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Hồng N ký kết hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH S từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010. Khi ký kết hợp đồng lao động cũng như quá trình làm việc, bà Nguyễn Thị Bích T cố tình che giấu việc sử dụng hồ sơ xin việc giả nên công ty không phát hiện nên vẫn ký hợp đồng và tham gia BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ cho người lao động thể hiện tại Sổ bảo hiểm xã hội số 7410075229. Thực tế, trong khoảng thời gian trên, bà Nguyễn Thị Hồng N đang làm việc tại Công ty TNHH T1 và được Công ty TNHH T1 tham gia bảo hiểm xã hội theo Sổ BHXH số 9107274684, dẫn đến việc bà Nguyễn Thị Hồng N trong cùng một khoảng thời gian được hai Công ty tham gia bảo hiểm xã hội.

[3.3] Việc bà Nguyễn Thị Bích T sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị Hồng N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH S là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994.

[3.4] Do đó, bà Nguyễn Thị Hồng N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (do bà Nguyễn Thị Bích T mượn tên) với Công ty TNHH S trong khoảng thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên được chấp nhận.

[3.5] Nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu độc lập trong vụ án. Mặc dù các đương sự đã được Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đối với bị đơn, mặc dù đã được triệu tập nhưng không đến tham gia tố tụng nên trường hợp sau này có phát sinh tranh liên quan đến việc giải quyết hậu quả hợp đồng vô hiệu thì được quyền yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác. Sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.



[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận.

[5] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

Các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Các Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng N về việc “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” đối với Công ty TNHH S.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị Hồng N (do bà Nguyễn Thị Bích T ký kết) và Công ty TNHH S trong thời gian từ tháng 10/2010 đến tháng 12/2010 vô hiệu.

3. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Cơ quan BHXH có thẩm quyền thực hiện các chế độ BHXH đối với bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh ngày 10/6/1989, số chứng minh nhân dân 352051399 cấp ngày 22/02/2007, số căn cước công dân 089189022069, số Sổ BHXH 9107274684 theo quy định pháp luật.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng N tự nguyện chịu 300.000 đồng, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001136 ngày 11/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Tố Uyên**